

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-44



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Sĩ Hiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Đỗ Hoàng Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Nguyễn Khắc Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Sĩ Hiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Võ Anh Linh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Đức Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Đặng Đôn Triển	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Bà Đặng Thị Thuờng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Hà Quang Nhân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Võ Anh Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Đức Lương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Đặng Đôn Triển	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/10/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Kim	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/10/2015
Bà Đặng Thị Thường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Nguyễn Thái Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/10/2015
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/10/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Kim

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề: một số khoản đầu tư ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà chưa thực hiện trích lập dự phòng do không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		277.732.150.213	44.839.843.547
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	122.024.638.757	4.414.085.007
111	1. Tiền		2.024.638.757	4.414.085.007
112	2. Các khoản tương đương tiền		120.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.300.860.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		18.939.370.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.638.510.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		132.206.066.456	27.194.978.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	90.903.724.030	5.278.725.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.689.836.294	5.825.470.450
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	19.850.136.196	8.485.230.611
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.988.372.723	12.568.420.667
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.226.002.787)	(4.962.868.343)
140	IV. Hàng tồn kho	9	5.831.386.378	12.806.897.121
141	1. Hàng tồn kho		5.831.386.378	12.806.897.121
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		369.198.622	423.882.745
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	211.855.835	197.263.757
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		157.342.787	226.161.417
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	457.571
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		241.275.189.776	284.135.254.448
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.632.098.790	2.632.062.390
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.632.098.790	2.632.062.390
220	II. Tài sản cố định		42.514.697.818	44.380.519.350
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	42.514.697.818	44.380.519.350
222	- Nguyên giá		61.006.581.748	62.062.669.427
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.491.883.930)	(17.682.150.077)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		244.160.000	282.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(244.160.000)	(282.160.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	78.211.133.092	78.256.046.183
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		75.902.112.441	75.902.112.441
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.309.020.651	2.353.933.742
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	117.739.400.722	158.155.949.332
251	1. Đầu tư vào công ty con		90.989.400.722	88.342.945.722
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		42.870.000.000	75.527.688.166
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.000.000.000	20.745.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(23.120.000.000)	(26.459.684.556)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		177.859.354	710.677.193
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	177.859.354	710.677.193
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		519.007.339.989	328.975.097.995

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

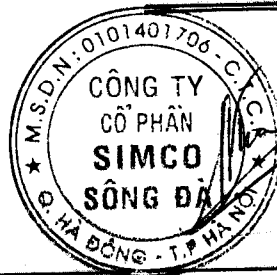
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		240.545.093.286	149.649.165.220
310	I. Nợ ngắn hạn		182.479.431.622	75.727.784.807
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.451.501.668	6.301.277.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.273.551.086	4.397.293.993
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.738.910.172	298.109.494
314	4. Phải trả người lao động		2.103.329.662	3.656.347.478
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.459.059.399	1.643.875.256
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	229.640.394	16.501.211.431
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	37.562.962.669	27.798.174.467
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	131.658.870.000	14.881.088.200
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.606.572	250.406.572
330	II. Nợ dài hạn		58.065.661.664	73.921.380.413
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	56.094.285.464	55.745.031.414
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.971.376.200	18.176.348.999
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		278.462.246.703	179.325.932.775
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	278.462.246.703	179.302.452.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.061.580.000	131.034.260.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.061.580.000	131.034.260.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.231.903.807	44.904.163.807
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.170.444.896	3.365.710.725
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		3.365.710.725	(41.390.874)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.804.734.171	3.407.101.599
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	23.480.243
431	1. Nguồn kinh phí		-	180.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	23.300.243
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		519.007.339.989	328.975.097.995

Phạm Thị Đà Giang
 Người lập

Phạm Thị Hiếu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Khắc Kim
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	190.155.767.710	75.243.128.074
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	764.401.300	344.526.390
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		189.391.366.410	74.898.601.684
11	4. Giá vốn hàng bán	24	169.956.475.278	53.618.493.538
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.434.891.132	21.280.108.146
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	16.901.665.458	935.140.412
22	7. Chi phí tài chính	26	9.937.611.765	10.116.102.209
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.516.608.526	2.115.543.769
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	13.604.532.352	13.146.889.550
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.794.412.473	(1.047.743.201)
31	11. Thu nhập khác	28	3.090.956.024	6.390.780.637
32	12. Chi phí khác	29	1.106.025.836	1.294.545.896
40	13. Lợi nhuận khác		1.984.930.188	5.096.234.741
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.779.342.661	4.048.491.540
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.974.608.490	641.389.941
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.804.734.171</u>	<u>3.407.101.599</u>

Phạm Thị Đà Giang

Phạm Thị Đà Giang
 Người lập

Phạm Thị Hiếu

Phạm Thị Hiếu
 Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Kim
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

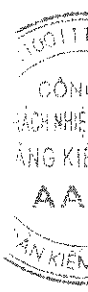
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.779.342.661	4.048.491.540
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.995.078.212	2.072.153.370
03	- Các khoản dự phòng		5.904.580.276	8.101.871.405
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.457.594	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.923.896.185)	(424.665.969)
06	- Chi phí lãi vay		4.516.608.526	2.115.543.769
07	- Các khoản điều chỉnh khác		23.480.243	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.298.651.327	15.913.394.115
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(90.684.190.406)	10.632.574.020
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.975.510.743	22.246.235.564
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.215.431.479)	(24.244.789.969)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		518.225.761	466.732.656
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(18.939.370.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.391.438.909)	(497.271.969)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.090.399.012)	(2.465.191.293)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.712.730.000	1.042.722.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.961.530.000)	(4.300.855.389)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(108.777.241.975)	18.793.549.735
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(139.471.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		689.454.545	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.443.806.000)	(400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.598.203.933
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.646.455.000)	(29.760.483.775)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		52.843.774.234	920.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.159.887.539	541.583.528
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.463.384.318	(26.100.696.314)

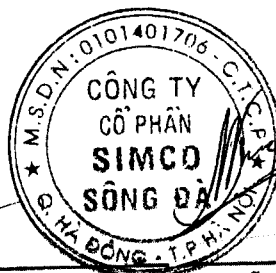


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2015
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		87.355.060.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		160.710.694.500	16.889.301.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(60.137.885.499)	(10.888.710.300)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>187.927.869.001</i>	<i>6.000.590.700</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		117.614.011.344	(1.306.555.879)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.414.085.007	5.720.640.886
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.457.594)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>122.024.638.757</u>	<u>4.414.085.007</u>

[Signature]

[Signature]



Phạm Thị Đà Giang
 Người lập

Phạm Thị Hiếu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Khắc Kim
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.061.580.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 262.061.580.000 đồng; tương đương 26.206.158 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

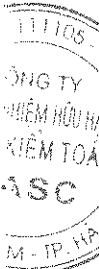
Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; Khai thác và chế biến khoáng sản; Xuất khẩu lao động; Đào tạo; Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết và một số hoạt động kinh doanh khác.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;
- Dạy nghề;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành giao dịch bán hàng theo các Hợp đồng mua bán mặt hàng Ure và Luru huỳnh với Công ty Cổ phần Châu Giang với tổng giá trị 135.485.500.000 đồng, dẫn tới doanh thu và giá vốn của hoạt động bán hàng hóa tăng đột biến so với năm 2014 cũng như số dư khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2015 biến động lớn so với thời điểm đầu năm.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Quản lý dự án
Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà	Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà ⁽¹⁾	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc, thiết bị
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Trung tâm du lịch ⁽²⁾	Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế

(1) Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà - Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/08/2015 theo quyết định số 147/SIMCO-HĐQT ngày 13 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Ngày 18/01/2016 Hội đồng Quản trị Công ty đã ra quyết định hủy bỏ quyết định số 147/SIMCO-HĐQT ngày 13 tháng 07 năm 2015 và phê duyệt khôi phục hoạt động của Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà kể từ ngày 01/01/2016.

(2) Trung tâm du lịch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chấm dứt hoạt động kể từ ngày 20/06/2015 theo quyết định số 137/SIMCO-HĐQT ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình/vụ việc chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể.

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC căn cứ theo tỷ lệ vốn góp khi kết thúc dự án.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	533.599.418	1.276.996.692
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.491.039.339	3.137.088.315
Các khoản tương đương tiền (*)	120.000.000.000	-
	<u>122.024.638.757</u>	<u>4.414.085.007</u>

(*) Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 120 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô có lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu DTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	18.939.370.000	19.467.810.000	(1.638.510.000)	-
<i>Cổ phiếu STG</i>	3.465.000.000	2.994.750.000	(470.250.000)	-
<i>Cổ phiếu CJC</i>	3.046.450.000	4.202.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu SCI</i>	4.200.000.000	3.150.000.000	(1.050.000.000)	-
<i>Cổ phiếu MHC</i>	2.141.820.000	2.023.560.000	(118.260.000)	-
<i>Cổ phiếu GTN</i>	6.086.100.000	7.097.500.000	-	-
	18.939.370.000	19.467.810.000	(1.638.510.000)	-

Ghi chú:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định căn cứ giá thị trường tại thời điểm 31/12/2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	90.989.400.722	-	88.342.945.722	-
- Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	90.989.400.722	-	88.342.945.722	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	42.870.000.000	(18.220.000.000)	75.527.688.166	(18.573.028.264)
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển (1)	23.970.000.000	(18.220.000.000)	23.970.000.000	(18.220.000.000)
<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>18.220.000.000</i>	<i>(18.220.000.000)</i>	<i>18.220.000.000</i>	<i>(18.220.000.000)</i>
<i>Nhận ủy thác của Cán bộ CNV</i>	<i>5.750.000.000</i>	-	<i>5.750.000.000</i>	-
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (2)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (3)	-	-	26.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành (4)	-	-	5.766.843.859	(353.028.264)
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà (5)	-	-	890.844.307	-
Đầu tư vào đơn vị khác	7.000.000.000	(4.900.000.000)	20.745.000.000	(7.886.656.292)
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	(3.300.000.000)	3.300.000.000	(3.300.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	(1.100.000.000)	1.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(50.806.292)
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	-	13.745.000.000	(4.535.850.000)
	140.859.400.722	(23.120.000.000)	184.615.633.888	(26.459.684.556)

Ghi chú:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon,	100,00%	100,00%	Khai thác khoáng sản

Đây là khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 3 năm 2015 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà tại Myanmar.

Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Trong đó Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 USD tương đương 126 tỷ VND; Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 USD tương đương 225.087.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã đầu tư 90.989.400.722 VND, số còn phải đầu tư là 290.097.599.278 VND. Trong đó phần vốn góp của Công ty là 42.582.118.789 VND, phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 VND.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Quyền kiểm soát (*)	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,00%	35,83%	35,83%	Sản xuất, kinh doanh phần mềm tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển (1)	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	42,80%	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (2)	Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	45,00%	54,04%	54,04%	Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá

(*) Quyền kiểm soát được xác định trên cơ sở các cam kết trong hợp đồng góp vốn ban đầu.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển với tổng giá trị là 23.970.000.000 VND, trong đó: vốn góp của Công ty là 18.220.000.000 VND tương đương 32,53%; vốn ủy thác của Cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng ủy thác đầu tư là 5.750.000.000 VND tương đương 10,27%.

(2) Số liệu góp vốn trên chưa tính đến số tiền chuyển nhượng quyền khai thác mỏ chưa đủ điều kiện ghi nhận là vốn góp đang được Công ty ghi nhận là khoản phải thu khác với số tiền 9.182.195.000 đồng.

Lý do thay đổi đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

(3) Thoái toàn bộ 2.600.000 cổ phần CTCP Thủy điện Đăk Đoa theo Quyết định số 152/SIMCO-HĐQT ngày 11/08/2015 của Hội đồng Quản trị;

(4) Thoái toàn bộ 5.76.684 cổ phần CTCP Logistics Kim Thành theo Quyết định số 128/SIMCO-HĐQT ngày 05/05/2015 của Hội đồng Quản trị;

(5) Thoái toàn bộ 83.680 cổ phần CTCP Xuất khẩu May Sông Đà theo Quyết định số 145/SIMCO-HĐQT ngày 29/06/2015/2015 của Hội đồng Quản trị;

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 35.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,825%	(*)	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn	Huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội	1,10%	1,10%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh	(*)	(*)	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0,54%	0,54%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

(*) Các khoản góp vốn ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Các khoản đầu tư đều đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với tỷ lệ 100%.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Châu Giang	86.405.500.000	-
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	820.236.443	737.688.043
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.701.633.365	2.564.683.024
	90.903.724.030	5.278.725.289
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.	2.796.590.665	2.714.042.265

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (VNS) (1)	5.006.330.196	8.085.230.611
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (2)	947.833.000	400.000.000
- Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà (3)	13.895.973.000	-
	19.850.136.196	8.485.230.611

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 03 tháng - 06 tháng, lãi suất 0%/năm. Trong năm 2015, Công ty đã phê duyệt phương án xóa nợ khoản phải thu lãi vay (phần lãi phát sinh từ giai đoạn trước đang hạch toán nhập gốc) với số tiền 3.078.900.415 đồng căn cứ kết quả của hội đồng xử lý kiểm kê tại ngày 30/06/2015.

(2) Các khoản cho vay có thời hạn 06 tháng với lãi suất từ 12%/năm - 14%/năm.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐVV/SIMCO-MYSICO ngày 08/01/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay tối đa: 20 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư Dự án khai thác và chế biến đá mở marble mỏ Nayputaung, bang Rakhine, Myanmar;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: 1%/tháng.

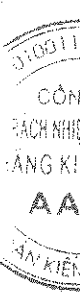
CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ - Công ty TNHH xây dựng & Thương mại FANSIPAN	9.182.195.000	-	8.500.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	800.592.099	-	159.785.871	-
- Phải thu Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	(550.000.000)	550.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.566.168.033	-	77.850.240	(38.850.240)
- Tạm ứng	4.482.968.294	-	1.316.640.569	-
- Phải thu khác	1.406.449.297	-	1.964.143.987	-
	17.988.372.723	(550.000.000)	12.568.420.667	(38.850.240)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	2.632.098.790	-	2.632.062.390	-
	20.620.471.513	(550.000.000)	15.200.483.057	(38.850.240)



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

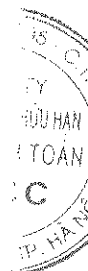
8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*)	6.982.684.418	6.982.684.418	10.061.584.833	6.982.684.418
<i>Phải thu cho vay</i>	<i>5.006.330.196</i>	<i>5.006.330.196</i>	<i>8.085.230.611</i>	<i>5.006.330.196</i>
<i>Phải thu tiền hàng</i>	<i>1.976.354.222</i>	<i>1.976.354.222</i>	<i>1.976.354.222</i>	<i>1.976.354.222</i>
- Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Khánh Duy	-	-	151.569.733	-
- Các khoản khác	419.648.565	-	68.950.240	-
	<u>7.952.332.983</u>	<u>6.982.684.418</u>	<u>10.832.104.806</u>	<u>7.532.684.418</u>

(*) Giá trị có thể thu hồi được Công ty xác định bằng giá trị còn lại của khoản nợ sau khi đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Riêng đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển, Công ty cam kết thu hồi được toàn bộ tiền gốc cho vay và phải thu tiền hàng sau khi thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty này.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.299.169	-	35.288.303	-
Công cụ, dụng cụ	11.522.492	-	23.609.009	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.786.564.717	-	12.747.999.809	-
<i>Dự án Hà Tĩnh</i>	<i>5.700.838.367</i>	<i>-</i>	<i>7.258.734.128</i>	<i>-</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>85.726.350</i>	<i>-</i>	<i>5.489.265.681</i>	<i>-</i>
	<u>5.831.386.378</u>	<u>-</u>	<u>12.806.897.121</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441

Ghi chú:

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức vốn đầu tư là 351,78 tỷ căn cứ quyết định số 278 ngày 08/02/2011 với phương án thi công 12 tầng cao và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Ngày 08/07/2015, Hội đồng quản trị Công ty ban hành quyết định số 146/SIMCO-HĐQT chấp thuận phương án triển khai dự án giai đoạn 1 có tổng chi phí tư vấn về việc điều chỉnh quy hoạch (dự kiến) là 1,5 tỷ đồng, thời gian thực hiện (dự kiến) là 07 tháng.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.309.020.651	2.353.933.742
- Dự án Phụng Hiệp	2.309.020.651	2.309.020.651
- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng (Silica)	-	44.913.091
	2.309.020.651	2.353.933.742

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	56.150.327.605	1.538.386.679	3.844.390.592	223.738.551	305.826.000	62.062.669.427
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	139.471.000	-	-	-	-	139.471.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(78.500.952)	(1.117.057.727)	-	-	(1.195.558.679)
Số dư cuối năm	56.289.798.605	1.459.885.727	2.727.332.865	223.738.551	305.826.000	61.006.581.748
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.548.864.871	1.460.337.391	3.331.338.808	223.738.551	117.870.456	17.682.150.077
- Khấu hao trong năm	1.829.972.084	31.789.936	105.302.256	-	38.228.256	2.005.292.532
- Thanh lý, nhượng bán	-	(78.500.952)	(1.117.057.727)	-	-	(1.195.558.679)
Số dư cuối năm	14.378.836.955	1.413.626.375	2.319.583.337	223.738.551	156.098.712	18.491.883.930
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	43.601.462.734	78.049.288	513.051.784	-	187.955.544	44.380.519.350
Tại ngày cuối năm	41.910.961.650	46.259.352	407.749.528	-	149.727.288	42.514.697.818

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.353.238.001 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
- Giảm do giải thể trung tâm du lịch	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Số dư cuối năm	152.500.000	91.660.000	244.160.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
- Giảm do giải thể trung tâm du lịch	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Số dư cuối năm	152.500.000	91.660.000	244.160.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	88.009.550	41.609.284
Chi phí sửa chữa	32.689.585	51.389.409
Chi phí thuê nhà	90.670.000	90.500.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	486.700	13.765.064
	211.855.835	197.263.757
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	120.692.267	655.239.693
Chi phí sửa chữa	57.167.087	55.437.500
	177.859.354	710.677.193

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hợp Lực	1.724.640.028	1.724.640.028	1.724.640.028	1.724.640.028
Công ty Cổ phần Xây dựng nhà ở Hải Phòng	1.286.324.216	1.286.324.216	433.825.772	433.825.772
Phải trả các đối tượng khác	2.440.537.424	2.440.537.424	4.142.812.116	4.142.812.116
	5.451.501.668	5.451.501.668	6.301.277.916	6.301.277.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	442.123.895	-	370.297.068	-	-	-	-	71.826.827
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	27.705.930	-	3.327.561.997	-	1.090.399.012	-	-	-	-	2.264.868.915
Thuế Thu nhập cá nhân	457.571	-	11.000.134	-	362.190.574	-	338.893.137	-	-	-	-	33.840.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	259.403.430	-	611.079.519	-	502.108.519	-	-	-	-	368.374.430
Các loại thuế khác	-	-	-	-	6.000.000	-	6.000.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	546.260.425	-	546.260.425	-	-	-	-	-
	457.571		298.109.494		5.295.216.410		2.853.958.161		-			2.738.910.172

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	128.333.333	17.062.900
- Chi phí dự án Vạn Phúc	160.450.331	400.677.542
<i>Chi phí thẩm tra quyết toán Vốn đầu tư</i>	124.348.434	124.348.434
<i>Thiết kế bản vẽ thi công đường dây & trạm biến áp</i>	32.162.824	32.162.824
<i>Dự phòng phí Dự án Vạn Phúc</i>	3.939.073	244.166.284
- Thù lao HĐQT	492.523.000	288.000.000
- Chi phí xuất khẩu lao động	465.962.735	728.631.609
- Chi phí phải trả khác	211.790.000	209.503.205
	1.459.059.399	1.643.875.256

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Phí dịch vụ xuất khẩu lao động	-	16.313.855.612
- Phí dịch vụ đào tạo	97.943.816	187.355.819
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	131.696.578	-
	229.640.394	16.501.211.431

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	420.309.620	400.115.030
- Bảo hiểm xã hội	216.089.290	1.206.316.377
- Bảo hiểm y tế	37.359.937	47.695.918
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.716.902	21.535.683
- Phải trả tiền lương cho lao động về nước	582.379.500	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.034.235.140	17.034.235.140
- Phải trả lãi vay	157.527.184	143.628.000
- Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà dự án Vạn Phúc	740.000.000	775.000.000
- Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	9.572.463.908	6.911.029.637
- Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động	120.492.708	88.200.000
- Quỹ tự nguyện CBCNV	32.017.401	112.913.327
- Phải trả CTCP Chứng khoán IB - Gốc vay margin, phí lưu ký	7.442.852.795	-
- Khoản phải trả - Trường CDN Simco Sông Đà	528.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	652.063.284	1.047.050.355
	37.562.962.669	27.798.174.467
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.937.003.531	2.780.305.807
- Phải trả tiền nhận góp vốn ủy thác đầu tư	54.157.281.933	52.964.725.607
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>	5.750.000.000	5.750.000.000
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà</i>	48.407.281.933	47.214.725.607
	56.094.285.464	55.745.031.414

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	530.231.000	530.231.000	6.470.162.000	4.493.335.000	2.507.058.000	2.507.058.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2)	-	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	6.174.100.000	6.174.100.000	-	6.174.100.000	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân (3)	8.176.757.200	8.176.757.200	29.974.896.200	36.858.653.400	1.293.000.000	1.293.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	7.858.812.000	-	7.858.812.000	7.858.812.000
	14.881.088.200	14.881.088.200	165.803.870.200	49.026.088.400	131.658.870.000	131.658.870.000
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn cá nhân	18.176.348.999	18.176.348.999	2.765.636.300	11.111.797.099	9.830.188.200	9.830.188.200
	18.176.348.999	18.176.348.999	2.765.636.300	11.111.797.099	9.830.188.200	9.830.188.200
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(7.858.812.000)	-	(7.858.812.000)	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	18.176.348.999	18.176.348.999			1.971.376.200	9.830.188.200

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/178138/HĐTĐ ngày 16 tháng 06 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng bất kỳ biện pháp bảo đảm sau: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201500490 ngày 24 tháng 09 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình theo Hợp đồng mua bán số 1609LH/2015/HĐB/QB-SC ngày 01/09/2015 và Hợp đồng mua bán 1609UR/2015/HĐB/QB-SC ngày 16/09/2015;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm áp dụng trong vòng 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định hiện hành của Agribank từ tháng thứ 4 trở đi;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản của Bên thứ ba, Lô đất HH thuộc dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội.
- (3) Bao gồm 02 hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân có kỳ hạn 01-06 tháng với lãi suất 9,5%/năm .

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Bao gồm các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng với lãi suất bằng huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÓNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sóng Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	131.034.260.000	(1.682.000)	44.771.916.959	18.423.806.102	194.228.301.061					
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.407.101.599	3.407.101.599					
Phân phối lợi nhuận	-	-	132.246.848	(18.566.481.988)	(18.434.235.140)					
Giảm khác	-	-	-	101.285.012	101.285.012					
Số dư cuối năm trước	131.034.260.000	(1.682.000)	44.904.163.807	3.365.710.725	179.302.452.532					
Số dư đầu năm nay	131.034.260.000	(1.682.000)	44.904.163.807	3.365.710.725	179.302.452.532					
Tăng vốn trong năm nay (*)	131.027.320.000	-	(43.672.260.000)	-	87.355.060.000					
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.804.734.171	11.804.734.171					
Số dư cuối năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	15.170.444.896	278.462.246.703					

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức: phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 4.367.226 cổ phiếu, chào bán cổ phiếu cho 26 cổ đông hiện hữu với số lượng là 4.277 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán cho 10 nhà đầu tư là 8.731.229 cổ phiếu. Số cổ phiếu chào bán thành công được chính thức giao dịch từ ngày 27/01/2016 theo Thông báo số 54/TB-SGDHN ngày 19/01/2016, căn cứ Quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2016 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Simco Sóng Đà.

Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu theo thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng số 1736/SIMCO-TCKT ngày 18/08/2015 bao gồm:

- Đầu tư vào Dự án "Khai thác mỏ Mông Sơn VII" và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái";
- Thực hiện dự án "Đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung - Rakhine - Myanmar;
- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đến ngày 31/12/2015, toàn bộ số tiền huy động từ đợt chào bán nói trên Công ty chưa sử dụng đến và được gửi tiết kiệm tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Sông Đà	0,00%	-	51,00%	66.830.400.000
Các cổ đông khác	99,999%	262.059.900.000	49,00%	64.202.180.000
Cổ phiếu quỹ	0,001%	1.680.000	0,00%	1.680.000
	100%	262.061.580.000	100%	131.034.260.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	262.061.580.000	131.034.260.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	131.034.260.000	131.034.260.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	131.027.320.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	262.061.580.000	131.034.260.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	13.103.426
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	13.103.426
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.206.158	13.103.426
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	13.103.258
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.205.990	13.103.258
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.231.903.807	44.904.163.807
	1.231.903.807	44.904.163.807

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.489,27	1.937,15
- Đồng Yên Nhật (JPY)	1.794.501,00	4.151.988,00
- Đồng Kyat (Myanmar)	1.110.800,00	-

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
	3.294.820.388	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	135.485.500.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.011.509.328	35.976.689.464
- Dịch vụ xuất khẩu lao động	44.881.006.097	30.602.061.820
- Dịch vụ khác	6.130.503.231	5.374.627.644
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.658.758.382	2.608.790.978
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	36.657.647.632
	190.155.767.710	75.243.128.074
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	278.492.997	318.230.247

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	764.401.300	344.526.390
	764.401.300	344.526.390

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.634.545.455	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.790.789.886	22.783.879.811
- Dịch vụ xuất khẩu lao động	27.375.326.611	19.975.123.346
- Dịch vụ khác	4.415.463.275	2.808.756.465
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.531.139.937	1.924.438.202
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	28.910.175.525
	169.956.475.278	53.618.493.538

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.219.805.572	592.702.688
Lãi bán các khoản đầu tư	13.170.198.350	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.467.250.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	44.411.536	342.437.724
	16.901.665.458	935.140.412

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.516.608.526	2.115.543.769
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	988.190.932	116.917.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	954.886	107.534.672
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.457.594	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.346.625.444	7.706.600.561
Phi ủy thác đầu tư	-	62.727.273
Chi phí tài chính khác	81.774.383	6.778.375
	9.937.611.765	10.116.102.209

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.431.436	654.388.387
Chi phí nhân công	6.991.048.156	7.180.970.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.999.428	345.948.963
Thuế, phí, lệ phí	612.018.609	275.366.845
Chi phí dự phòng	1.557.954.832	395.270.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.555.769.495	2.867.395.704
Chi phí khác bằng tiền	1.369.310.396	1.427.547.933
	13.604.532.352	13.146.889.550

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	689.454.545	-
Thu từ phạt vi phạm lao động xuất cảnh	1.556.954	5.220.674.916
Tiền đặt cọc của lao động đã trúng tuyển	-	873.244.695
Lãi phạt chậm trả thu từ Công ty Châu Giang	2.315.500.000	-
Thu nhập khác	84.444.525	296.861.026
	3.090.956.024	6.390.780.637

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án đã dừng hoạt động	44.913.091	-
Các khoản truy thu và phạt chậm nộp thuế	1.048.952.745	-
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm	-	366.974.658
Phạt chậm nộp quỹ đất 15% Vạn Phúc	-	927.257.940
Chi phí khác	12.160.000	313.298
	1.106.025.836	1.294.545.896

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.779.342.661	1.133.082.717
Các khoản điều chỉnh tăng	4.177.516.138	1.480.472.090
- Chi phí không hợp lệ	1.048.952.745	1.409.672.090
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	3.457.594	-
- Thù lao HDQT không chuyên trách	22.400.000	70.800.000
- Giá vốn của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	3.102.705.799	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.435.911.118)	(2.613.554.807)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.467.250.000)	-
- Doanh thu của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	(3.772.762.619)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(195.898.499)	(2.613.554.807)
Thu nhập tính thuế TNDN	13.520.947.681	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	2.974.608.490	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	352.953.507	(101.285.012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	2.239.834.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.062.693.082)	(2.138.549.018)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	2.264.868.915	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	2.915.408.823
Thu nhập tính thuế TNDN	-	2.915.408.823
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	641.389.941
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	(287.041.736)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	27.705.930	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(27.705.930)	(326.642.275)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	27.705.930
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.974.608.490	641.389.941
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.264.868.915	27.705.930

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.127.949.103	2.786.768.428
Chi phí nhân công	19.475.928.240	16.437.721.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.995.078.206	1.985.521.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.105.591.543	9.356.772.942
Chi phí khác bằng tiền	6.170.389.991	4.199.936.352
	41.874.937.083	34.766.720.696

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.024.638.757	-	4.414.085.007	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.524.195.543	(2.946.002.787)	20.479.208.346	(1.603.967.928)
Các khoản cho vay	19.850.136.196	(280.000.000)	8.485.230.611	(3.358.900.415)
Chứng khoán kinh doanh	18.939.370.000	(1.638.510.000)	-	-
Đầu tư dài hạn khác	7.000.000.000	(4.900.000.000)	20.745.000.000	(7.886.656.292)
	279.338.340.496	(9.764.512.787)	54.123.523.964	(12.849.524.635)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			133.630.246.200	33.057.437.199
Phải trả người bán, phải trả khác			99.108.749.801	89.844.483.797
Chi phí phải trả			1.459.059.399	1.643.875.256
			234.198.055.400	124.545.796.252

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.024.638.757	-	-	122.024.638.757
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.946.093.966	2.632.098.790	-	108.578.192.756
Các khoản cho vay	19.570.136.196	-	-	19.570.136.196
Đầu tư ngắn hạn	17.300.860.000	-	-	17.300.860.000
Đầu tư dài hạn khác	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000
	<u>264.841.728.919</u>	<u>4.732.098.790</u>	<u>-</u>	<u>269.573.827.709</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.414.085.007	-	-	4.414.085.007
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.243.178.028	2.632.062.390	-	18.875.240.418
Các khoản cho vay	5.126.330.196	-	-	5.126.330.196
Đầu tư dài hạn khác	-	12.858.343.708	-	12.858.343.708
	25.783.593.231	15.490.406.098	-	41.273.999.329

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	131.658.870.000	1.971.376.200	-	133.630.246.200
Phải trả người bán, phải trả khác	43.014.464.337	56.094.285.464	-	99.108.749.801
Chi phí phải trả	1.459.059.399	-	-	1.459.059.399
	176.132.393.736	58.065.661.664	-	234.198.055.400
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	14.881.088.200	18.176.348.999	-	33.057.437.199
Phải trả người bán, phải trả khác	34.099.452.383	55.745.031.414	-	89.844.483.797
Chi phí phải trả	1.643.875.256	-	-	1.643.875.256
	50.624.415.839	73.921.380.413	-	124.545.796.252

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ xuất khẩu lao động		Bán hàng hóa		Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp		Kinh doanh dịch vụ khác		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	44.116.604.797	135.485.500.000	3.658.758.382	6.130.503.231	-	-	-	-	-	-	-	189.391.366.410
Chi phí bộ phận trực tiếp	27.375.326.611	134.634.545.455	3.531.139.937	4.415.463.275	-	-	-	-	-	-	-	169.956.475.278
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.741.278.186	850.954.545	127.618.445	1.715.039.956	-	-	-	-	-	-	-	19.434.891.132
Tài sản bộ phận	2.632.098.790	86.405.500.000	88.016.706.191	10.220.703.092	-	-	-	-	-	-	-	187.275.008.073
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	331.732.331.916
Tổng tài sản	2.632.098.790	86.405.500.000	88.016.706.191	10.220.703.092	-	-	-	-	-	-	-	519.007.339.989
Nợ phải trả bộ phận	11.509.467.439	120.000.000.000	6.503.619.810	18.875.062.393	-	-	-	-	-	-	-	156.888.149.642
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	83.656.943.644
Tổng nợ phải trả	11.509.467.439	120.000.000.000	6.503.619.810	18.875.062.393	-	-	-	-	-	-	-	240.545.093.286

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀTòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.492.997	318.230.247
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	278.492.997	318.230.247
Cho vay ngắn hạn		14.443.806.000	547.125.000
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	13.895.973.000	-
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết	547.833.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	-	147.125.000
Lãi vay phải thu		1.156.359.189	-
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	1.156.359.189	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.796.590.665	2.714.042.265
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	820.236.443	737.688.043
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu gốc cho vay ngắn hạn		19.850.136.196	8.485.230.611
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	5.006.330.196	8.085.230.611
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	13.895.973.000	-
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết	947.833.000	400.000.000
Phải thu khác		800.592.099	159.785.871
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	800.592.099	159.785.871
Phải thu lãi cho vay		1.156.359.189	38.850.240
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	1.156.359.189	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	-	38.850.240

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.750.863.540	1.793.932.215

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

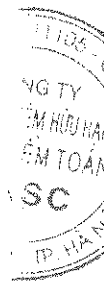
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
-------	---------------	---------	-------	---------------	---------	----------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

121	1. Đầu tư ngắn hạn	8.485.230.611	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.485.230.611	(8.485.230.611)
135	5. Các khoản phải thu khác	11.251.780.098	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	12.568.420.667	8.485.230.611
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.316.640.569	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	1.316.640.569
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.962.868.343)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.962.868.343)	(1.316.640.569)
141	1. Hàng tồn kho	88.709.009.562	141	1. Hàng tồn kho	12.806.897.121	(75.902.112.441)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.902.112.441	75.902.112.441
268	3. Tài sản dài hạn khác	2.632.062.390	216	6. Phải thu dài hạn khác	2.632.062.390	2.632.062.390
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.353.933.742	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(2.632.062.390)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	75.527.688.166	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.353.933.742	2.353.933.742
258	3. Đầu tư dài hạn khác	20.745.000.000	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	75.527.688.166	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.459.684.556)	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.745.000.000	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14.881.088.200	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(26.459.684.556)	-
312	2. Phải trả người bán	6.301.277.916	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.881.088.200	-
313	3. Người mua trả tiền trước	4.397.293.993	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	6.301.277.916	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	873.091.552	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.397.293.993	-
315	5. Phải trả người lao động	3.656.347.478	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	298.109.494	(574.982.058)
316	6. Chi phí phải trả	1.643.875.256	314	5. Phải trả người lao động	3.656.347.478	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	16.501.211.431	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.643.875.256	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.501.211.431	16.501.211.431
			336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(16.501.211.431)



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.034.260.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	131.034.260.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	131.034.260.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	31.892.305.811	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	44.904.163.807	13.011.857.996
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	13.011.857.996				(13.011.857.996)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.790.728.667	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	3.365.710.725	574.982.058
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	(41.390.874)	
			421b	- LNST chưa phân phối năm này	3.407.101.599	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.146.889.550	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.146.889.550	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.216.371.999)	51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	(641.389.941)	574.982.058
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.832.119.541	60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	3.407.101.599	574.982.058

(*) Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN năm 2014 của hoạt động sản xuất kinh doanh chính do tính thừa.

[Handwritten signature]

Phạm Thị Đà Giang
Người lập

[Handwritten signature]

Phạm Thị Hiếu
Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Kim
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016